

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.
2. Ông Cao Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1153/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Xuân H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn N2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Nhật Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn N2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, chị Đoàn Thị Xuân H và anh Hồ Nhật Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận anh chị thuận tình ly hôn và công nhận thỏa thuận giao con cho chị H nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập để giải quyết nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do.

Theo bản khai ngày 08 tháng 6 năm 2020, chị H trình bày: Chị và anh Hồ Nhật Đ kết hôn được 20 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước An. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng gần đây thì phát sinh

hiều mâu thuẫn do anh Đ chơi cờ bạc gây ra nhiều khoản nợ lớn. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Hồ Nhật Đ, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2002 và cháu Hồ Ngọc Bảo C, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2013. Cháu Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được nuôi cháu C và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh Đ, giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đoàn Thị Xuân H và anh Hồ Nhật Đ yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung. Tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập để làm việc, hòa giải thì anh Đ không có mặt nên áp dụng khoản 5 Điều 397, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chuyển vụ việc thành vụ án để giải quyết trong đó xác định chị H là nguyên đơn, anh Đ là bị đơn. Anh Đ đang cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, chị Đoàn Thị Xuân H và anh Hồ Nhật Đ đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh Đ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị H cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai nên Tòa án chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ này và kết quả xác minh của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Xuân H và anh Hồ Nhật Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 5 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Phước An, huyện Tuy Phước nên hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Chị H xin ly hôn vì anh Đ cờ bạc, gây nợ nần. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của anh Đ theo như

chị H trình bày là hành vi trái pháp luật. Hành vi đó đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng đối với gia đình, là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị, làm cho tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị H được ly hôn anh Đ.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Đoàn Thị Xuân H và anh Hồ Nhật Đ có 02 con chung là cháu Hồ Nhật Đ, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2002 và cháu Hồ Ngọc Bảo C, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2013. Hiện nay cháu Đ đã trưởng thành và chị H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét. Chị H yêu cầu được nuôi cháu C. Xét thấy cháu C là cháu gái, nên việc giao con cho chị H chăm sóc, giáo dục là phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Mặt khác, cháu C có nguyện vọng được sống với mẹ nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy mức cấp dưỡng này phù hợp nhu cầu thiết yếu của cháu C vì cháu đang tuổi đi học, cần nhiều khoản để chăm sóc, nuôi dạy cháu. Do đó, áp dụng các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình, buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị H, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Đoàn Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh Hồ Nhật Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 5 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho chị Đoàn Thị Xuân H được ly hôn anh Hồ Nhật Đ.

2. Giao con chung cháu Hồ Ngọc Bảo C, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2013 cho chị Đoàn Thị Xuân H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc

cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Hồ Nhật Đ cấp dưỡng nuôi cháu C hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

3. Chị Đoàn Thị Xuân H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000582 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Anh Hồ Nhật Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước An (Số 43 ngày 23.5.2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên